

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 31

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Hữu Chí	Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên
Ông Bùi Toàn Thắng	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Các cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Hữu Chí

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2019, trình bày từ trang 06 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, tổng số dự phòng phải thu khó đòi của Công ty chưa được trích lập dự phòng đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với giá trị khoảng 1.619 triệu đồng. Nếu trích lập dự phòng thì Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên và lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm đi số tiền tương ứng.

Đến ngày 31/12/2018, Dự án Công trình Nhà máy Sản xuất máy Xây dựng Công nghệ cao tại Đình Vũ không thể triển khai tiếp do không được phê duyệt, tổng chi phí san lấp mặt bằng của dự án với số tiền 1.083.079.320 đồng đang được theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” mà chưa được tiến hành phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2018.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở xem xét liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) cho các khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.391.176.976	222.144.678.834
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	12.260.747.317	15.857.399.405
Tiền	111		12.260.747.317	15.857.399.405
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.181.223.426	96.966.236.103
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	100.049.227.314	102.759.428.060
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.224.895.550	4.794.563.664
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	2.267.334.516	2.267.334.516
Các khoản phải thu khác	136	10	3.758.629.206	1.363.773.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.118.863.160)	(14.218.863.160)
Hàng tồn kho	140	11	103.257.389.970	106.996.610.126
Hàng tồn kho	141		103.257.389.970	106.996.610.126
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.691.816.263	2.324.433.200
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	8.799.582	18.037.425
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.489.832.275	2.055.352.954
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	193.184.406	251.042.821
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.323.866.639	261.480.697.440
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.062.323.287	6.062.323.287
Phải thu dài hạn khác	216	10	6.062.323.287	6.062.323.287
Tài sản cố định	220		17.820.679.531	19.577.381.942
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.542.679.531	19.577.381.942
- Nguyên giá	222		54.536.567.752	54.284.110.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.993.888.221)	(34.706.729.019)
Tài sản cố định vô hình	227	14	278.000.000	-
- Nguyên giá	228		3.698.068.098	3.398.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.420.068.098)	(3.398.068.098)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		206.292.818.473	205.428.739.541
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	206.292.818.473	205.428.739.541
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	14.883.414.644	14.562.141.257
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.531.901.144	3.210.627.757
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.351.513.500	11.351.513.500
Tài sản dài hạn khác	260		18.264.630.704	15.850.111.413
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	18.264.630.704	15.850.111.413
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		480.715.043.615	483.625.376.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		339.854.960.123	345.492.391.616
Nợ ngắn hạn	310		118.618.468.834	124.345.641.094
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	46.140.222.000	41.920.314.284
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.434.021.190	8.113.391.587
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.627.357.840	3.042.579.354
Phải trả người lao động	314		3.860.448.695	4.094.397.216
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		394.797.060	279.020.434
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.952.077.580	6.269.059.176
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	52.434.152.407	59.844.811.490
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		775.392.062	782.067.553
Nợ dài hạn	330		221.236.491.289	221.146.750.522
Phải trả dài hạn khác	337	16	219.012.569.882	218.291.750.522
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.145.900.000	1.555.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.078.021.407	1.300.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.860.083.492	138.132.984.658
Vốn chủ sở hữu	410	20	134.624.766.492	130.348.924.658
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.200.000.000	16.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.998.629.042	19.251.136.100
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.713.635.514	21.172.313.290
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.284.993.527	(1.921.177.190)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.632.695.123	46.104.346.231
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.235.317.000	7.784.060.000
Nguồn kinh phí	431		6.235.317.000	7.784.060.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		480.715.043.615	483.625.376.274

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Oanh

Dương Thị Hà Bích

Trương Hữu Chí

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	201.154.917.297	209.122.057.444
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.154.917.297	209.122.057.444
Giá vốn hàng bán	11	22	174.297.915.666	181.063.018.100
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.857.001.632	28.059.039.344
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.863.158.963	897.515.143
Chi phí tài chính	22	24	4.979.279.793	7.400.787.390
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.890.771.549	5.468.143.107
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		347.146.389	287.996.689
Chi phí bán hàng	25		5.677.914.911	4.627.402.933
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		12.143.393.729	15.569.747.039
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.266.718.550	1.646.613.814
Thu nhập khác	31		237.818.182	44.474.668
Chi phí khác	32		574.433.373	614.817.129
Lợi nhuận khác	40		(336.615.191)	(570.342.461)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.930.103.359	1.076.271.353
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		818.239.741	976.069.028
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.111.863.618	100.202.325
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.284.993.527	(1.921.177.190)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.826.870.091	2.021.379.515
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	864	(551)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Oanh

Dương Thị Hà Bích

Trương Hữu Chí

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		5.930.103.359	1.076.271.353
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.874.202.411	2.826.181.305
Các khoản dự phòng	03		(2.100.000.000)	(213.357.000)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(50.337.469)	(5.665.365)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.220.614.884)	722.457.351
Chi phí lãi vay	06		4.890.771.549	5.468.143.107
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		9.324.124.966	9.874.030.751
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(246.805.505)	9.372.641.305
Tăng giảm hàng tồn kho	10		3.739.220.156	9.086.633.559
Tăng giảm các khoản phải trả	11		1.971.812.411	(7.611.031.942)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.405.281.448)	1.102.606.297
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.774.994.923)	(4.895.381.112)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(420.813.018)	(1.504.473.680)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.118.940.200	22.780.814.059
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.460.321.402)	(28.374.848.894)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		7.845.881.438	9.830.990.343
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.064.582.974)	(2.163.667.516)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		131.818.182	8.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.008.609.495	891.849.778
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		75.844.703	(963.817.738)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	399.543.056
Tiền thu từ đi vay	33		91.851.813.013	110.639.480.243
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(99.671.572.096)	(109.266.838.796)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(913.858.500)	(2.119.474.700)
Cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số			(2.786.460.000)	(3.088.782.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.520.077.583)	(3.436.072.772)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.598.351.442)	5.431.099.833
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.857.399.405	10.425.104.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.699.354	1.195.184
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7	12.260.747.317	15.857.399.405

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Oanh

Dương Thị Hà Bích

Trương Hữu Chí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh Vật tư và Xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

	Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Quyền kiểm soát tại 31/12/2018 (%)	Trụ sở
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	60.000	54%	Lô đất 22 + 23 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	3.000	51%	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
3	Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	5.000	70,84%	Lô 22, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
4	Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	6.215,75	50,78%	Số 348 Hai Bà Trưng, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
5	Viện cơ điện tử CIE	1.000	100%	Tầng 19 Tòa nhà GELEX số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

3. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty CP 3B với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 28%.

4. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm:

- 1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1
- 2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa
- 3 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2
- 4 Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5
- 5 Viện Cơ Điện tử CIE

Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trên vốn chủ sở hữu.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

6.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

6.3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6.4. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

6.5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
- Thiết bị quản lý	02 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình bao gồm: bản quyền, bằng sáng chế; và khoản chi phí đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Bản quyền, bằng sáng chế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

6.7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

6.8. GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

6.9. NGOẠI TỆ

Trong năm 2018, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.10. CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6.11. THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%. Riêng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ, không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

6.12. BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	376.750.305	812.454.553
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.883.997.012	15.044.944.852
	12.260.747.317	15.857.399.405

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	100.049.227.314	102.759.428.060
- Công ty CP Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp	2.723.938.000	5.139.179.465
- Công ty CP Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	-	-
- Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - CTCP	2.300.000.000	5.468.083.000
- Công ty CP Sông Đà 5	-	4.284.170.000
- Trung tâm chuyển giao công nghệ (CETEC)	-	2.040.450.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Á Việt	-	4.817.755.000
- Công ty TNHH ABB	5.872.026.156	5.006.763.211
- Công ty TNHH Vạn Đức	6.771.939.600	4.177.230.000
- Các khách hàng khác	82.381.323.558	71.825.797.384
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	415.959.971	-
- Công ty Cổ phần 3B	415.959.971	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.799.582	18.037.425
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.799.582	18.037.425
Chi phí trả trước dài hạn	18.264.630.704	15.850.111.413
- Chi phí thuê Văn Phòng dài hạn	9.068.221.091	9.289.393.091
- Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng	3.412.239.912	3.559.638.796
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	155.949.289	374.216.179
- Nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ	1.500.000.000	1.500.000.000
- Chi phí nghiên cứu thiết kế sản phẩm mới	3.020.421.809	-
- Các khoản khác	1.107.798.603	1.126.863.347
	18.273.430.286	15.868.148.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.758.629.206	-	1.363.773.023	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.000.000	-	153.141.000	-
- Phải thu người lao động	287.440.364	-	203.690.364	-
- Ký cược, ký quỹ	446.502.292	-	57.066.640	-
- Phải thu khác	3.006.686.550	-	949.875.019	-
Cho vay ngắn hạn	2.267.334.516	-	2.267.334.516	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SĐVĐ)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
Đối tượng khác	100.000.000	-	100.000.000	-
Dài hạn	6.062.323.287	-	6.062.323.287	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng- Hồ trợ dự án	6.062.323.287	-	6.062.323.287	-
	9.820.952.493	-	7.426.096.310	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.542.020.878	-	12.663.044.059	-
Công cụ, dụng cụ	208.143.209	-	250.096.883	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.770.242.510	-	93.077.106.284	-
Thành phẩm	1.008.362.900	-	1.006.362.900	-
Hàng hoá	3.728.620.473	-	-	-
	103.257.389.970	-	106.996.610.126	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2018	29.906.406.279	12.543.941.571	11.280.035.811	553.727.300	54.284.110.961
- Mua trong năm	-	733.000.000	-	84.500.000	817.500.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(565.043.209)	-	(565.043.209)
31/12/2018	29.906.406.279	13.276.941.571	10.714.992.602	638.227.300	54.536.567.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2018	18.974.439.462	9.314.776.881	6.033.924.647	383.588.029	34.706.729.019
- Khấu hao trong năm	973.156.776	713.761.743	1.076.766.691	88.517.201	2.852.202.411
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(565.043.209)	-	(565.043.209)
31/12/2018	19.947.596.238	10.028.538.624	6.545.648.129	472.105.230	36.993.888.221
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	10.931.966.817	3.229.164.690	5.246.111.164	170.139.271	19.577.381.942
31/12/2018	9.958.810.041	3.248.402.947	4.169.344.473	166.122.070	17.542.679.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh
+ Công ty CP 3B

31/12/2018		01/01/2018	
Giá gốc VND	PP Vốn CSH VND	Giá gốc VND	PP Vốn CSH VND
3.500.000.000	3.531.901.144	3.500.000.000	3.210.627.757
3.500.000.000	3.531.901.144	3.500.000.000	3.210.627.757

Đầu tư vào đơn vị khác
+ Công ty CP Công nghiệp Môi trường
+ Công ty CP Đầu tư-Tư vấn Xây dựng IMI
+ Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm
+ Công ty Cổ phần Viện máy và dụng cụ Công nghiệp
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE-CMC-SDVD
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng
+ Công ty CP Đầu tư và PT CCV

31/12/2018		01/01/2018	
Giá gốc VND	Số lượng Cổ phần CP	Giá gốc VND	Số lượng Cổ phần CP
11.351.513.500		11.351.513.500	
375.000.000	37.500	375.000.000	37.500
12.500.000	1.250	12.500.000	1.250
40.000.000		40.000.000	
5.652.373.500	267.885	5.652.373.500	267.885
4.870.000.000	487.000	4.870.000.000	487.000
352.500.000	22.500	352.500.000	22.500
49.140.000	4.914	49.140.000	4.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
01/01/2018	700.000.000	-	2.698.068.098	3.398.068.098
- Mua trong năm	-	300.000.000	-	300.000.000
31/12/2018	<u>700.000.000</u>	<u>300.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.698.068.098</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2018	700.000.000	-	2.698.068.098	3.398.068.098
- Khấu hao trong năm	-	22.000.000	-	22.000.000
31/12/2018	<u>700.000.000</u>	<u>22.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.420.068.098</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
01/01/2018	-	-	-	-
31/12/2018	<u>-</u>	<u>278.000.000</u>	<u>-</u>	<u>278.000.000</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Mua sắm	298.258.784	298.258.784
Cầu trục 3,2 tấn	166.769.515	166.769.515
Cầu trục 10 tấn	131.489.269	131.489.269
Xây dựng cơ bản	205.994.559.689	205.130.480.757
Dự án nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân (*)	204.756.145.977	202.940.715.385
Các công trình khác	1.238.413.712	1.238.413.712
	<u>206.292.818.473</u>	<u>205.428.739.541</u>

(*): Đây là dự án được triển khai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐHTKD ngày 28/05/2015 giữa Công ty CP Sông Đà Việt Đức (SĐVD), Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp (CIE) để đầu tư dự án nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.497.806.306 đồng. Tỷ lệ góp vốn của các bên là: SĐVD góp 51,4%, CMC góp 24,3% và CIE góp 24,3% trong tổng số vốn góp dự kiến là 299.561.333.061 đồng. Các bên sẽ cùng tham gia quá trình triển khai dự án với tư cách là đồng Chủ Đầu tư và ủy quyền cho SĐVD là đại diện Chủ đầu tư. Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-SĐVD (CCV Housing) làm Ban điều phối Dự án.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XD VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	2.952.077.580	6.269.059.176
- Kinh phí công đoàn	185.213.110	265.763.177
- Bảo hiểm xã hội, y tế	315.000	200.215.673
- Lợi nhuận chưa trả tại Công ty con	-	3.840.413.900
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	-	1.962.666.426
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.766.549.470	-
Dài hạn	219.012.569.882	218.291.750.522
Dự án Nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	219.012.569.882	218.148.490.950
- Công ty CP Đầu tư và PT nhà CIE-CMC-SDVD	184.911.342.721	184.047.263.789
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư & Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	27.382.223.338	27.382.223.338
Phải trả cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	-	143.259.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	46.140.222.000	46.140.222.000	41.920.314.284	41.920.314.284
- Công ty Cổ phần 3B	135.044.307	135.044.307	1.900.446.980	1.900.446.980
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	2.838.288.200	2.838.288.200	3.379.645.500	3.379.645.500
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	2.758.195.484	2.758.195.484	3.635.629.500	3.635.629.500
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	3.483.128.704	3.483.128.704	3.411.318.199	3.411.318.199
- Công ty TNHH Kim khí & Dịch vụ Vận tải	1.081.124.704	1.081.124.704	432.332.230	432.332.230
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179	1.719.998.170	1.719.998.170	2.005.796.342	1.372.175.640
- Các đối tượng khác	34.124.442.431	34.124.442.431	27.155.145.533	27.155.145.533
Phải trả người bán là các bên liên quan	135.044.307	135.044.307	1.900.446.980	1.900.446.980
- Công ty Cổ phần 3B	135.044.307	135.044.307	1.900.446.980	1.900.446.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	3.042.579.354	12.492.321.183	10.907.542.697	4.627.357.840
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.941.267.289	8.878.654.340	7.566.810.468	3.253.111.161
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.334.726.575	1.334.726.575	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.534.156	818.239.741	420.813.018	423.960.879
- Thuế thu nhập cá nhân	422.652.856	456.408.139	561.778.302	317.282.693
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.835.488	885.152.335	885.152.335	4.835.488
- Các loại thuế, phí khác	647.289.565	119.140.053	138.261.999	628.167.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	52.434.152.407	52.434.152.407	91.645.913.013	99.056.572.096	59.844.811.490	59.844.811.490
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa	32.188.147.046	32.188.147.046	58.139.965.143	67.545.715.039	41.593.896.942	41.593.896.942
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa (CIE 1) (1)	29.535.314.582	29.535.314.582	55.693.032.679	65.485.729.099	39.328.011.002	39.328.011.002
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa (CIE 2) (2)	2.652.832.464	2.652.832.464	2.446.932.464	2.059.985.940	2.265.885.940	2.265.885.940
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	8.676.947.722	8.676.947.722	24.461.114.686	22.862.057.173	7.077.890.209	7.077.890.209
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	503.958.329	503.958.329		111.041.671	615.000.000	615.000.000
- Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (4)	576.999.310	576.999.310	1.917.461.184	2.424.486.213	1.084.024.339	1.084.024.339
- Vay các cá nhân (5)	10.488.100.000	10.488.100.000	7.127.372.000	6.113.272.000	9.474.000.000	9.474.000.000
+ Tại CIE 1	4.004.100.000	4.004.100.000	1.567.372.000	2.823.272.000	5.260.000.000	5.260.000.000
+ Tại Kim Hoa	2.724.000.000	2.724.000.000	4.550.000.000	2.890.000.000	1.064.000.000	1.064.000.000
+ Tại Cơ khí 1-5	3.760.000.000	3.760.000.000	1.010.000.000	400.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Vay dài hạn	1.145.900.000	1.145.900.000	205.900.000	615.000.000	1.555.000.000	1.555.000.000
- Vay các cá nhân (CIE1) (5)	1.145.900.000	1.145.900.000	205.900.000	615.000.000	1.555.000.000	1.555.000.000
	53.580.052.407	53.580.052.407	91.851.813.013	99.671.572.096	61.399.811.490	61.399.811.490

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

- (1): Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa với Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1, hạn mức cho vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 50 tỷ đồng, lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (2): Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT126-CIE2 ngày 02/08/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Đa với Công ty TNHH Chế tạo máy và thiết bị Công nghiệp CIE2 hạn mức vay 2,9 tỷ đồng. Lãi suất tại thời điểm ký là 7,8%/năm và điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ, thời hạn cho vay từ ngày 02/08/2018 đến hết ngày 02/08/2019. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (3): Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018/5939521/HĐTD ngày 12/06/2018 giữa Công ty CP Thương mại Kim Hoa với Ngân hàng Đầu tư Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân với hạn mức 15 tỷ đồng với thời hạn đến hết tháng 6 năm 2019, lãi suất theo thả nổi theo từng thời điểm. Khoản vay này được dùng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C.
- (4): Khoản vay theo hợp đồng hạn mức số 008.18/HĐTDHM-DN ngày 09/05/2018 giữa Công ty CP Cơ khí 1-5 với Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Hải Phòng với hạn mức là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký, lãi suất quy định cụ thể theo từng thời kỳ và thời điểm giải ngân.
- (5): Các khoản vay với các cá nhân có thời hạn và lãi suất quy định cụ thể theo từng hợp đồng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
01/01/2017	38.000.000.000		16.200.000.000		10.793.442.327		46.764.034.638		21.472.059.601		133.229.536.566	
- Lãi trong năm nay	-		-		-		2.021.379.515		(1.921.177.190)		100.202.325	
- Tăng vốn trong năm	-		-		-		399.543.056		-		399.543.056	
- Giảm do hợp nhất	-		-		-		(3.080.610.978)		(299.746.311)		(3.380.357.289)	
31/12/2017	38.000.000.000		16.200.000.000		10.793.442.327		46.104.346.231		19.251.136.100		130.348.924.658	
01/01/2018	38.000.000.000		16.200.000.000		10.793.442.327		46.104.346.231		19.251.136.100		130.348.924.658	
- Lợi nhuận trong năm nay	-		-		-		1.826.870.091		3.284.993.527		5.111.863.618	
- Phân phối lợi nhuận các năm trước (*)	-		-		-		-		(1.124.150.000)		(1.124.150.000)	
- Điều chỉnh do hợp nhất	-		-		-		1.701.478.801		(1.413.350.586)		288.128.215	
31/12/2018	38.000.000.000		16.200.000.000		10.793.442.327		49.632.695.123		19.998.629.042		134.624.766.492	

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 59/2018/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2. CỔ PHIẾU

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

20.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	201.154.917.297	209.122.057.444
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	154.553.228.999	169.283.615.998
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.601.688.298	39.838.441.446

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	131.979.553.796	146.343.743.079
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.318.361.870	34.719.275.021
	<u>174.297.915.666</u>	<u>181.063.018.100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.470.913	62.310.291
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.725.179.400	829.539.487
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	71.171.181	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	50.337.469	5.665.365
	1.863.158.963	897.515.143

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.890.771.549	5.468.143.107
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.894.122.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	88.508.244	38.522.283
	4.979.279.793	7.400.787.390

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.284.993.527	(1.921.177.190)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(174.150.000)
+ Thù lao HĐQT, BKS năm 2017 (*)	-	(174.150.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.284.993.527	(2.095.327.190)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	864	(551)

(*): Theo Nghị quyết số 59/2018/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

26. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN

GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan		3.269.837.219	3.909.406.000
- Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết	3.269.837.219	3.909.406.000
Bán hàng cho bên liên quan		1.565.899.182	-
- Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết	1.565.899.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí chế tạo, đồng thời các hoạt động này diễn ra ở Việt Nam nên Công ty chưa thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí